BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 961/QĐ-CĐSPTW-CTSV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chi trợ cấp xã hội cho sinh viên - Đợt 2 năm 2023 Đối với sinh viên khóa 2022-2025 và 2023-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định 43/QĐ ngày 25/9/1976 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục về việc thành lập Trường Sư phạm Mẫu giáo Trung ương số 3; Quyết định 2064/QĐ-BGDĐT ngày 25/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi tên Trường Cao đẳng Sư phạm Mẫu giáo Trung ương 3 thành Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP.HCM;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường cao đẳng sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 988/QĐ-CĐSPTW-CTSV ngày 06/11/2017 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định về Công tác học sinh sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh – Hệ Chính quy;

Căn cứ Quyết định số 194/QĐ-CĐSPTW-CTSV ngày 18/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định thực hiện chính sách học bổng khuyến khích học tập, trợ cấp xã hội và miễn, giảm học phí đối với sinh viên - Hệ chính quy;

Căn cứ hồ sơ và đơn xin hưởng trợ cấp xã hội của sinh viên năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Chính trị - Học sinh Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi trợ cấp xã hội đợt 2 năm 2023 cho sinh viên hệ chính quy, khóa 2022-2025 và 2023-2026 như sau:

- Diện dân tộc thiểu số: 06
- Diện mồ côi cha mẹ: 04
- Diện xóa đói giảm nghèo: 31

Thuộc Ngành Giáo dục Mầm non và Kỹ thuật chế biến món ăn *(danh sách đính kèm)*.

Điều 2. Trợ cấp xã hội được cấp theo năm tài chính 12 tháng/năm và chia làm 02 đợt.

Điều 3. Phòng Công tác Chính trị - Học sinh Sinh viên, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Ban chủ nhiệm Khoa, Cố vấn học tập và sinh viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, CTSV.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Nguyên Bình

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM
TRUNG ƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN TRỢ CẤP XÃ HỘI ĐỢT 2 NĂM 2023
Từ tháng 06 đến tháng 12 năm 2023 đối với sinh viên khóa 2021 - 2024 và 2022 - 2025
Từ tháng 09 đến tháng 12 năm 2023 đối với sinh viên khóa 2023 - 2026
(Kèm theo quyết định số: 961 /QĐ-CĐSPTW-CTSV ngày 27 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TPHCM)

STT	KHÓA	NGÀNH	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐỐI TƯỢNG	SỐ THÁNG	MỨC HỖ TRỢ 1 THÁNG	THÀNH TIỀN
1	2021-2024	GIÁO DỤC MẦM NON	K34M01	501210679	Lê Thị Thu Thảo	Xóa đói giảm nghèo	7	100.000	700.000
2			K34M02	501210325	Hồ Thị Trúc Linh	Xóa đói giảm nghèo	7	100.000	700.000
3			K34M02	501211022	Trần Thị Như Ý	Xóa đói giảm nghèo	7	100.000	700.000
4			K34M04	501210065	H' Binh	Dân tộc thiểu số	7	140.000	980.000
5			K34M05	591210882	Thái Thị Trang	Mồ côi cha mẹ	7	100.000	700.000
6			K34M07	501210281	Huỳnh Thị Thu Hường	Xóa đói giảm nghèo	7	100.000	700.000
7			K34M07	501210185	Huỳnh Thị Thu Hảo	Xóa đói giảm nghèo	7	100.000	700.000
8			K34M08	501210157	Trương Phạm Ngọc Điệp	Xóa đói giảm nghèo	7	100.000	700.000
9			K34M08	501210755	Đặng Thị Kim Thùy	Xóa đói giảm nghèo	7	100.000	700.000
10			K34M09	501210543	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Xóa đói giảm nghèo	7	100.000	700.000
11			K34M09	501210567	Bùi Kim Oanh	Xóa đói giảm nghèo	7	100.000	700.000
12			K34M11	501210495	Võ Thị Nguyệt	Xóa đói giảm nghèo	7	100.000	700.000
13			K34M12	501210766	Lang Thị Minh Thư	Dân tộc thiểu số	7	140.000	980.000
14			K34M15	501210095	Vũ Thị Linh Chi	Xóa đói giảm nghèo	7	100.000	700.000
15			K34M15	501210246	Thị Hồng	Dân tộc thiểu số	7	140.000	980.000
16			K34M16	501210655	Trần Thị Như Quỳnh	Xóa đói giảm nghèo	7	100.000	700.000

STT	KHÓA	NGÀNH	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐỐI TƯỢNG	SỐ THÁNG	MỨC HỖ TRỢ 1 THÁNG	THÀNH TIỀN
17	2021-2024	KỸ THUẬT CBMN	KTCBMA1	511210016	Ngô Tuyết Nhi	Xóa đói giảm nghèo	7	100.000	700.000
18			KTCBMA1	511210005	Thái Thị Thu Hằng	Xóa đói giảm nghèo	7	100.000	700.000
19	2022-2025	GIÁO DỤC MẦM NON	K35M01	501220639	Trịnh Thị Thu Trúc	Xóa đói giảm nghèo	7	100.000	700.000
20			K35M01	501220661	Ngô Võ Ngọc Tuyền	Xóa đói giảm nghèo	7	100.000	700.000
21			K35M02	501220122	Nguyễn Võ Thúy Hằng	Xóa đói giảm nghèo	7	100.000	700.000
22			K35M03	501220195	Đồng Thị Lanh	Dân tộc thiểu số	7	140.000	980.000
23			K35M03	501220399	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Mồ côi cha mẹ	7	100.000	700.000
24			K35M04	501220304	Trần Thị Thanh Ngân	Xóa đói giảm nghèo	7	100.000	700.000
25			K35M04	501220629	Dương Thị Lệ Trinh	Xóa đói giảm nghèo	7	100.000	700.000
26			K35M05	501220067	Y Diễng	Dân tộc thiểu số	7	140.000	980.000
27			K35M06	501220162	Võ Thị Thanh Hương	Xóa đói giảm nghèo	7	100.000	700.000
28			K35M06	501220666	Vũ Lê Ánh Tuyết	Xóa đói giảm nghèo	7	100.000	700.000
29			K35M07	501220379	Nguyễn Thị Ngọc Như	Xóa đói giảm nghèo	7	100.000	700.000
30			K35M07	501220419	Trần Thị Trúc Phương	Xóa đói giảm nghèo	7	100.000	700.000
31			K35M09	501220203	Trần Thị Mỹ Linh	Xóa đói giảm nghèo	7	100.000	700.000
32			K35M11	501220563	Nguyễn Thị Giáng Tiên	Mồ côi cha mẹ	7	100.000	700.000
33			K35M12	501220060	Nguyễn Phạm Anh Đào	Xóa đói giảm nghèo	7	100.000	700.000
34			K35M12	501220228	Nguyễn Thị Thùy Linh	Xóa đói giảm nghèo	7	100.000	700.000
35	2023-2026	GIÁO DỤC MẦM NON	K36M01	501230151	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Xóa đói giảm nghèo	4	100.000	400.000
36			K36M02	501230200	Nguyễn Thị Tuyết Quỳnh	Xóa đói giảm nghèo	4	100.000	400.000
37			K36M03	501230015	Y Dang	Dân tộc thiểu số	4	140.000	560.000
38			K36M03	501230021	Nguyễn Thị Phương Đông	Xóa đói giảm nghèo	4	100.000	400.000

STT	KHÓA	NGÀNH	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN	ĐỐI TƯỢNG	SỐ THÁNG	MỨC HỖ TRỢ 1 THÁNG	THÀNH TIỀN
39	2023-2026	GIÁO DỤC MẦM NON	K36M03	501230213	Lê Kim Mỹ Tâm	Xóa đói giảm nghèo	4	100.000	400.000
40			K36M04	501230100	Y Líu	Mồ côi cha mẹ	4	100.000	400.000
41			K36M06	501230108	Châu Huệ Mẫn	Xóa đói giảm nghèo	4	100.000	400.000
TỔNG									**28.160.000**

Bằng chữ: ***Hai mươi tám triệu, một trăm sáu mươi ngàn đồng./.***

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Nguyên Bình